

THÁI ĐỘ CỦA CÁC CHÍNH ĐẢNG CÁNH TẢ NHẬT BẢN XOAY QUANH VẤN ĐỀ BỒI THƯỜNG CHIẾN TRANH CHO VIỆT NAM CỘNG HÒA

NGUYỄN VŨ KỲ*

Với việc ký kết Hiệp ước hòa bình San Francisco năm 1951, Nhật Bản đã quay trở lại sân chơi quốc tế trong tư thế một quốc gia độc lập; cùng với đó, Nhật Bản có nghĩa vụ bồi thường cho các nước bị Nhật Bản đã chiếm đóng trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Đối với Việt Nam, Nhật Bản đã thiết lập quan hệ ngoại giao và đẩy mạnh quá trình đàm phán bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa sau khi chính quyền này ra đời tại miền Nam Việt Nam (1955). Việc Chính phủ Nhật Bản quyết định bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa đã làm dấy lên sự phản đối trong các tầng lớp nhân dân Nhật Bản (1).

Bài viết này dựa trên tư liệu chính là văn bản của các chính đảng và biên bản ghi chép nghị sự của Quốc hội Nhật Bản để phân tích và làm sáng tỏ thái độ lập trường cũng như hoạt động đấu tranh của Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản Nhật Bản nhằm phản đối Chính phủ Nhật Bản bồi thường chiến tranh cho Việt Nam Cộng hòa.

1. Chính phủ Nhật Bản với vấn đề bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa

Khởi điểm của việc Nhật Bản bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa bắt đầu từ Hội nghị San Francisco năm 1951; tại đây, đại diện của Việt Nam khi đó là Quốc gia Việt

Nam (Chính phủ Bảo Đại) được Pháp hậu thuẫn và vận động hành lang đã được mời tham dự và ký kết hiệp ước hòa bình với Nhật Bản (2). Chính quyền Việt Nam Cộng hòa là một thực thể chính trị ra đời ở miền Nam Việt Nam nối tiếp sau Quốc gia Việt Nam nên đã thừa hưởng những hệ quả có được từ hội nghị này trong quan hệ với Nhật Bản.

Sau thất bại trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bước vào công cuộc tái thiết đất nước, đồng thời chịu sự chiếm đóng của quân đội đồng minh, chủ yếu là của quân đội Mỹ (1945-1952), với việc thiết lập Bộ Tổng Tư lệnh quân đội đồng minh chiếm đóng Nhật Bản (SCAP) do Tướng Douglas MacArthur đứng đầu. Nhật Bản đã hợp tác thành thực với lực lượng chiếm đóng và thực thi có hiệu quả những sắc lệnh cải cách của cơ quan chiếm đóng nhằm xóa bỏ chủ nghĩa quân phiệt, dân chủ hóa, hướng đến việc phục hồi và phát triển quốc gia.

Cuối những năm 1940 đầu những năm 1950, thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đưa đến sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949) và tác động của cuộc Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) đã khiến Mỹ điều chỉnh chính sách với Nhật

*ThS. Trường ĐH KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh

Bản, từ việc coi Nhật Bản là đối thủ cần triệt hạ đến chỗ muốn xây dựng quốc gia này thành đồng minh lớn nhất của Mỹ ở châu Á. Để thực hiện điều này, Mỹ thúc giục các nước ký hiệp ước hòa bình, chấm dứt tình trạng chiến tranh và tái lập bang giao với Nhật Bản. Theo đó, hội nghị hòa bình nhóm họp tại Thành phố San Francisco (Mỹ) từ ngày 4 đến ngày 8-9-1951 với 52 quốc gia tham gia do Mỹ và Anh chủ trì là nhằm mục đích này. Phái đoàn ngoại giao của Quốc gia Việt Nam do Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trần Văn Hữu làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị San Francisco với tư cách đại diện cho Việt Nam. Trong khi đó, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cũng như Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc (Vùng lãnh thổ Đài Loan - Chính quyền Tưởng Giới Thạch) đã không được mời tham dự hội nghị. Kết quả là Nhật Bản đã ký kết hiệp ước hòa bình với 48 quốc gia, đồng thời 27 quốc gia đã ký Nghị định thư và Nhật Bản cũng ký các tuyên bố tham gia vào các điều ước quốc tế khác (3).

Với Điều 1 hiệp ước nêu rõ “tình trạng chiến tranh giữa Nhật Bản và các cường quốc đồng minh sẽ kết thúc” và “các cường quốc đồng minh công nhận chủ quyền đầy đủ của nhân dân Nhật Bản đối với Nhật Bản và lãnh thổ của nước này”, Nhật Bản đã khôi phục địa vị quốc gia và đủ tư cách quay lại sân chơi quốc tế. Ngoài ra, Điều 14 của Hiệp ước San Francisco cũng quy định về nghĩa vụ bồi thường của Nhật Bản, đó là: “Nhật Bản chỉ trả bồi thường cho các nước đồng minh vì những thiệt hại và đau khổ đã gây ra trong chiến tranh” (4). Với việc có mặt tham dự và ký kết Hiệp ước San Francisco của đại diện Quốc gia Việt Nam, Chính phủ Nhật Bản đã “mở những quan hệ ngoại giao với Chính phủ Bảo Đại

và sau đó với Chính phủ Ngô Đình Diệm” (5), đồng thời tiến hành bồi thường chiến tranh cho miền Nam Việt Nam theo quy định tại Điều 14.

Ngày 18-6-1952, Quốc gia Việt Nam chuyển văn bản phê chuẩn hiệp ước cho Chính phủ Mỹ, tuy nhiên theo phía Nhật Bản đánh giá là Chính phủ Bảo Đại đã “không bày tỏ ý định tích cực giải quyết vấn đề bồi thường” cho đến trước và sau khi hai bên ký hiệp định bồi thường tạm thời về việc trục vớt tàu thuyền bị đắm có giá trị 2,25 triệu USD vào tháng 9-1953 (6). Ngày 26-10-1955, nền Đệ nhất Cộng hòa ra đời ở miền Nam Việt Nam sau khi Ngô Đình Diệm tổ chức “trưng cầu dân ý” truất phế Bảo Đại và lên làm Quốc trưởng ngày 23-10-1955. Cùng với Mỹ, Anh, Pháp, Australia, Thái Lan và Italia thì Nhật Bản đã lập tức công nhận Chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Trong bầu không khí căng thẳng của cuộc Chiến tranh Lạnh lúc bấy giờ, chính sách đối ngoại của Nhật Bản dựa trên lập trường của Mỹ, thiết lập quan hệ ngoại giao với Quốc gia Việt Nam và sau đó là Việt Nam Cộng hòa, đồng thời không công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ tháng 1-1956, phía Việt Nam Cộng hòa đẩy mạnh yêu cầu Chính phủ Nhật Bản bồi thường. Kế thừa nội dung còn dang dở với Quốc gia Việt Nam trước đây, các vấn đề của hiệp định bồi thường cho Việt Nam được Chính phủ Nhật Bản tiếp tục triển khai thương lượng với Sài Gòn; nhất là từ khi Kishi Nobusuke nhậm chức Thủ tướng Nhật Bản tháng 1-1957, tiến trình đàm phán bồi thường chiến tranh cho miền Nam Việt Nam càng được thúc đẩy.

Việc Nhật Bản thừa nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn nhất quán với hai trong “tam đại nguyên tắc” mà Bộ Ngoại giao Nhật Bản lần đầu tiên công bố trong Sách Xanh

Ngoại giao năm 1957, đó là “hợp tác với các nước tự do” và “duy trì vị thế với tư cách là thành viên của châu Á”, trong đó vấn đề cần chú trọng của nguyên tắc sau cùng được xác định cụ thể là: xây dựng mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các quốc gia láng giềng châu Á và triển khai chính sách “ngoại giao kinh tế” (7). Về việc bồi thường chiến tranh, một mặt tuân theo Điều 14 của Hiệp ước San Francisco, mặt khác đó là một biện pháp quan trọng của chính sách “ngoại giao kinh tế” tại khu vực châu Á của Nhật Bản, như Kishi Nobusuke đã nhấn mạnh trong bài phát biểu trước Hạ viện quốc hội ngày 4-2-1957 là “để làm được điều này, trước tiên cần giải quyết vấn đề bồi thường”, khi nói về giải pháp để hiện thực hóa mục tiêu thúc đẩy quan hệ với các nước láng giềng châu Á. Cũng trong phiên họp này, Thủ tướng Kishi cho biết “chính phủ sẽ nỗ lực tích cực hơn nữa để giải quyết các khoản bồi thường của Indonesia và Việt Nam chưa được giải quyết” (8). Nhiều vòng đàm phán xoay quanh số tiền bồi thường giữa Tokyo và Sài Gòn đã diễn ra từ tháng 9-1956, cao trào vào những tháng cuối năm 1957 và kết thúc khoảng tháng 3-1958, thời điểm phía Sài Gòn chấp nhận mức bồi thường do phía Nhật Bản đưa ra. Từ tháng 4/1958 - 5/1959, hai bên triển khai đàm phán việc soạn thảo nội dung hiệp định bồi thường và vấn đề hiệp định thương mại liên quan đến khoản vay 7,5 triệu USD đi kèm hiệp định bồi thường (9).

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cực lực phản đối việc đàm phán, ký kết hiệp định bồi thường chiến tranh giữa Nhật Bản và Việt Nam Cộng hòa. Sau khi phía Sài Gòn chấp nhận phương án bồi thường do chính phủ Nhật Bản đưa ra vào tháng 3-1958, Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 17-5-1958 ra tuyên bố khẳng định đàm phán giữa Chính phủ

Nhật Bản và chính quyền miền Nam Việt Nam không có hiệu lực. Tuyên bố nêu rõ quan điểm: “Chiến tranh do Nhật Bản gây ra gây tổn thất cho toàn thể nhân dân Việt Nam. Xử lý vấn đề bồi thường chiến tranh của Nhật Bản là việc chung của toàn thể nhân dân Việt Nam. Chính quyền miền Nam Việt Nam không có tư cách đại diện cho nhân dân cả nước Việt Nam để tiến hành đàm phán về vấn đề này với chính phủ Nhật Bản” (10). Tờ Asahi đưa tin ở trang nhất trong số buổi sáng ngày 18-5-1958 với tiêu đề: “Bộ Ngoại giao miền Bắc Việt Nam tuyên bố miền Nam Việt Nam không có tư cách đàm phán bồi thường với Nhật Bản” (11).

2. Hoạt động phản đối chính phủ của Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản Nhật Bản xoay quanh vấn đề bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa

Cuối những năm 1950, vấn đề bồi thường chiến tranh cho miền Nam Việt Nam làm xáo động chính trường Nhật Bản. Đảng Xã hội, Đảng Cộng sản Nhật Bản lên tiếng mạnh mẽ phản đối nội các Kishi chủ trương bồi thường chiến tranh cho Việt Nam Cộng hòa. Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích và trình bày các hoạt động phản đối này theo hai giai đoạn: giai đoạn phản đối đàm phán để ký kết hiệp định và giai đoạn đấu tranh ngăn chặn việc phê chuẩn hiệp định.

2.1. Hoạt động phản đối đàm phán ký kết hiệp định

Ngày 19-21/11/1957, Thủ tướng Kishi có chuyến thăm Sài Gòn và thống nhất đẩy mạnh tiến trình thương lượng bồi thường trong các cuộc hội đàm với chính quyền Ngô Đình Diệm. Theo thống nhất giữa hai bên trong chuyến thăm này, Đặc sứ Uemura Kogoro tiếp tục được cử sang Sài Gòn và tiến hành vòng đàm phán thứ hai với Phó Thủ tướng Nguyễn Ngọc Thơ trong các ngày 17 - 31/12 cùng năm (12).

Đảng Xã hội Nhật Bản tỏ thái độ phản ứng gay gắt trước quan điểm bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa của chính phủ Kishi. Ngày 7-2-1958, tại phiên họp Ủy ban Dự toán Hạ viện, Thủ tướng Kishi trả lời khoản bồi thường cho miền Nam Việt Nam là áp dụng luôn cho cả nước Việt Nam bao gồm cả miền Bắc. Chủ trương này đồng nghĩa với việc Tokyo coi chính quyền Việt Nam Cộng hòa là đại diện hợp pháp cho cả nước Việt Nam. Bất mãn với câu trả lời này cùng những bất cập trong cách lý giải của Thủ tướng Kishi về căn cứ để bồi thường cho chính quyền Sài Gòn, tất cả thành viên của Đảng Xã hội đã đồng loạt đứng dậy bỏ cuộc họp ra về (13).

Đảng Xã hội tiếp tục phản đối chính phủ tại nhiều phiên họp trong năm 1958. Ngày 28-2-1958, nghị sĩ Đảng Xã hội chất vấn Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama Aiichiro về các vấn đề xoay quanh tư cách của chính quyền miền Nam Việt Nam tại Hội nghị San Francisco (khi đó là Quốc gia Việt Nam). Kể đến, Đảng Xã hội viện dẫn căn cứ là Hiệp định Genève chỉ coi chính quyền Việt Nam Cộng hòa là cơ quan hành chính dân sự chứ không phải là chính phủ nên việc Tokyo đàm phán với Sài Gòn là không thỏa đáng. Thêm vào đó, những nghi ngờ về khả năng khi nước Việt Nam thống nhất chính phủ mới sẽ phủ quyết hiệp định bồi thường này, hay những khuất tất của chính phủ Kishi khi đốc thúc bồi thường trong bối cảnh ngày 4-7-1957 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố sẽ không yêu cầu Nhật Bản bồi thường chiến tranh khi quan hệ ngoại giao giữa Nhật Bản và nước Việt Nam thống nhất được thiết lập trong tương lai, cũng được Đảng Xã hội nêu ra tại quốc hội (14). Nội dung truy cứu của nghị sĩ Đảng Xã hội với chính quyền Kishi tại phiên họp này đã trở thành bản tin trên tờ Asahi buổi sáng 1-3-1958 (15).

Đảng Xã hội không ngừng truy vấn chính phủ ở các Ủy ban chuyên trách khác của Hạ viện. Trong phiên họp Ủy ban Ngoại giao Hạ viện ngày 4-7-1958, Nghị sĩ Okada thuộc Đảng Xã hội chất vấn Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama Aiichiro, Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp Quốc tế (nay là Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp) Takasaki Tatsunosuke và các thành viên chính phủ xoay quanh những bất cập của hiệp định bồi thường mà chính phủ dự định ký với Việt Nam Cộng hòa như: “chủ yếu là các vấn đề pháp lý trong đàm phán bồi thường”, việc bồi thường mâu thuẫn với tinh thần Hội nghị Bandung có đại diện của Nhật Bản và hai miền Nam - Bắc Việt Nam tham dự, tính chính danh của đối tượng bồi thường là Việt Nam Cộng hòa có đại diện hợp pháp cho toàn thể Việt Nam hay không... Đối với biện giải của chính phủ cho rằng luận cứ để bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa là do chính quyền miền Nam Việt Nam đã ký Hiệp ước San Francisco, đại biểu của Đảng Xã hội nhấn mạnh quan điểm: “điều này rất không đầy đủ và không thỏa đáng” (16).

Từ tháng 4- 1958 đến tháng 5-1959 là khoảng thời gian Tokyo và Sài Gòn triển khai bàn thảo giữa Đại sứ Kubota và Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu về các nội dung cụ thể của hiệp định bồi thường và hiệp định thương mại có liên quan. Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhiều lần lặp lại tuyên bố không thừa nhận bất kỳ hiệp định nào về bồi thường chiến tranh cho Việt Nam, khẳng định Chính phủ Nhật Bản nên gánh hoàn toàn trách nhiệm đối với kết quả do hiệp định này mang lại và bảo lưu quyền yêu cầu Nhật Bản bồi thường cho miền Bắc trong các tuyên bố đưa ra ngày 28-3 và 10-5-1959 (17). Những phản ứng mạnh mẽ của Hà Nội đưa ra trong bối cảnh chính quyền Ngô

Đình Diệm vừa gây ra vụ đầu độc tù nhân chính trị ở nhà tù Phú Lợi (tháng 12-1958) càng làm dấy lên những nghi ngại trong nội bộ chính trường Nhật Bản đối với việc đền bù chiến tranh cho Việt Nam Cộng hòa. Đồng điệu với Đảng Xã Hội và lập trường của Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nhật Bản đã gửi văn bản kháng nghị gồm 5 nội dung đến chính phủ để phản đối nội các Kishi thực thi chính sách đối ngoại đi ngược sự phát triển của thế giới và làm gia tăng căng thẳng quốc tế (18). Động thái này được đưa ra vào ngày 11-5-1959, thời điểm mà Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa ra tuyên bố không thừa nhận hiệp định bồi thường giữa Nhật Bản - Việt Nam Cộng hòa một ngày trước đó và Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama chuẩn bị dẫn đầu phái đoàn ngoại giao của Chính phủ Nhật Bản sang Sài Gòn để ký kết hiệp định bồi thường vào 2 ngày sau đó, càng cho thấy lập trường ủng hộ đối với Chính phủ Hồ Chí Minh cũng như thái độ phản đối cương quyết và cứng rắn đối với chính phủ Kishi của Đảng Cộng sản Nhật Bản.

Về vấn đề bồi thường chiến tranh, Đảng Cộng sản Nhật Bản tỏ rõ lập trường ủng hộ tính chính danh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ nước Việt Nam thống nhất theo tinh thần Hiệp định Genève và tán thành những tuyên bố mà chính quyền Hà Nội từng đưa ra, đồng thời xem đó là cánh tay nối dài để Mỹ gia tăng can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam. Cụ thể như sau: “Đối với miền Nam Việt Nam, chính phủ đã quyết định phương châm nhanh chóng ký kết hiệp định bồi thường lên đến 55,6 triệu USD. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội đế quốc Nhật Bản chiếm lĩnh Đông Dương và gây ra những thiệt hại giết chóc, phá hủy trên toàn Việt Nam là việc toàn thể giới

đều biết. Theo đó, toàn thể nhân dân Việt Nam có quyền lợi đương nhiên yêu cầu Chính phủ Nhật Bản bồi thường đối với những tổn thất này. Bồi thường nghĩa là phải đáp ứng đương nhiên yêu cầu này và đối phương ký kết hiệp định bồi thường phải là chính phủ đại diện cho toàn thể nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, chính phủ bất chấp phản đối của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phớt lờ sự tồn tại của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, coi chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam là đại diện cho toàn thể Việt Nam và đang có ý định ký kết hiệp định bồi thường là vi phạm Hiệp định quốc tế Genève về hòa bình thống nhất Nam - Bắc Việt Nam; ngoài ra phải nói đó là việc làm trái tinh thần của Hội nghị Bandung mà Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama và Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp Takasaki đại diện cho Nhật Bản ký kết. Hơn nữa, Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thậm chí đã tuyên bố một khi toàn bộ Việt Nam thống nhất và để kết nối quan hệ ngoại giao với Nhật Bản sẽ từ bỏ yêu cầu bồi thường đối với Nhật Bản. Hơn thế nữa, nhìn vào nội dung của bồi thường thì đó là hợp tác với chính sách tăng cường căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam, cùng với bước chân tham vọng của tư bản độc quyền Nhật Bản mơ ước xâm lược kinh tế Đông Nam Á” (19). Báo Asahi đưa tin về bản kháng nghị của Đảng Cộng sản trong số ra buổi sáng ngày 10-5-1959 (20).

Bất chấp phản đối của Hà Nội và các đảng đối lập, “Hiệp định bồi thường giữa Nhật Bản và Việt Nam Cộng hòa” gồm 11 điều khoản và 3 phụ lục đi kèm đã được Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama Aichihiro và người đồng cấp Vũ Văn Mẫu đại diện hai bên ký kết ngày 13-5-1959 tại Sài Gòn (21). Ngay lập tức, Chính phủ và Quốc hội

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lên tiếng phản ứng. Trong thông báo phát đi ngày 14-5-1959, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố hiệp định bồi thường chiến tranh giữa Nhật Bản và chính quyền miền Nam Việt Nam là “hoàn toàn vô hiệu lực, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiên quyết phản đối hiệp định này và hành vi này là hành vi đối địch với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 27-5-1959 cũng lên tiếng khẳng định hiệp định bồi thường của Nhật Bản cho Việt Nam Cộng hòa không có hiệu lực, đồng thời kêu gọi quốc hội Nhật Bản phản đối hành vi bất hợp pháp của chính phủ Kishi (22).

2.2. Hoạt động đấu tranh ngăn chặn phê chuẩn hiệp định

Nửa sau năm 1959, hoạt động phản đối của đảng đối lập chuyển sang giai đoạn mới: giai đoạn ngăn chặn việc phê chuẩn hiệp định. Cuối năm 1959, chính phủ Kishi cho dừng các hoạt động thẩm tra hiệp định bồi thường để thúc đẩy trình quốc hội phê chuẩn và đây tiếp tục là chủ đề gây tranh cãi tại nghị trường.

Phiên họp của Ủy ban Ngoại giao Hạ viện sáng ngày 13-11-1959 chỉ bàn thảo xoay quanh Hiệp định bồi thường và Hiệp định cho vay đối với Việt Nam Cộng hòa, Đảng Xã hội tiếp tục chất vấn Bộ trưởng Ngoại giao Fujiyama cùng các thành viên chính phủ. Nghị sĩ Đảng Xã hội cho rằng cách giải trình của chính phủ chưa thỏa đáng, bảo lưu và nhấn mạnh lập trường đã nêu trong các phiên họp trước. Lập luận của Đảng Xã hội truy ngược lại vấn đề sâu xa khi viện dẫn căn cứ Tuyên ngôn độc lập năm 1945 và Điều 2 Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nêu rõ lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất Trung - Nam - Bắc. Người Pháp đã ký Hiệp

định Sơ bộ (6-3-1946) với đại diện nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nên đồng nghĩa với việc công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia độc lập, do đó Quốc gia Việt Nam do Pháp lập ra năm 1949 là chính quyền bù nhìn, không đủ tư cách tham dự Hội nghị San Francisco, nên chính quyền Việt Nam Cộng hòa nối tiếp sau đó cũng không đủ tư cách đứng ra ký hiệp định bồi thường với chính phủ Nhật Bản.

Trái với quan điểm giải trình của chính phủ cho rằng Hiệp định Sơ bộ chỉ công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là “quốc gia tự do”, Đảng Xã hội khẳng định Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia độc lập, là “sự thật được thừa nhận về mặt luật pháp quốc tế”; đồng thời nhấn mạnh và tố cáo bản thân người Pháp cũng thừa nhận Việt Nam độc lập khi ký kết Hiệp định Sơ bộ nhưng cũng chính Pháp phá vỡ điều đó và lập nên Quốc gia Việt Nam năm 1949, cũng như hậu thuẫn cho chính quyền này đại diện cho toàn thể Việt Nam. Nghị sĩ Đảng Xã hội tiếp tục căn cứ vào Hiệp định Genève 1954 để phủ định tư cách đàm phán vấn đề bồi thường của chính quyền Sài Gòn vì vĩ tuyến 17 là khu vực ranh giới đình chiến chứ không phải biên giới quốc gia và chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ là chính quyền tạm thời phụ trách khu vực phía Nam cho đến khi nước Việt Nam thống nhất. Bên cạnh đó, các ý kiến chất vấn cũng bày tỏ sự lo ngại hiệp định bồi thường mang yếu tố quân sự, đi ngược lại tinh thần Hiệp định Genève (23). Báo Asahi đưa tin về phiên chất vấn này trong số ra buổi chiều ngày 13-11-1959 (24).

Trong tình hình các hoạt động thẩm tra đã bị hủy bỏ và ngày phê chuẩn tại Quốc hội Nhật Bản đã đến gần, phía Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh thể hiện lập trường phản đối. Trong cuộc họp báo ngày 21-11-1959, tuyên bố của Quốc hội Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa khẳng định: “Việc bồi thường cho miền Nam Việt Nam được ký kết giữa nội các Kishi và chính quyền Ngô Đình Diệm trái ngược hoàn toàn với luật pháp quốc tế và tình hình thực tế Việt Nam”. Văn bản của Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi đến Quốc hội Nhật Bản đã yêu cầu phủ quyết hiệp định bồi thường và chỉ ra những điểm không thỏa đáng về tư cách của chính quyền miền Nam dựa trên lý giải: “Chính quyền Ngô Đình Diệm đơn giản chỉ đảm trách nhiệm vụ tạm thời điều hành quyền hành chính ở miền Nam Việt Nam cho đến khi Việt Nam thống nhất. Theo đó chính quyền Ngô Đình Diệm không có quyền đại diện Việt Nam ký kết bất kỳ hiệp định bồi thường chiến tranh nào với Nhật Bản”. Lập trường của Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định bản chất của hiệp định này “là một phần trong toàn bộ kế hoạch của chủ nghĩa đế quốc Mỹ và tư bản độc quyền Nhật Bản mở rộng quyền lực kinh tế của Nhật Bản đến khu vực Đông Nam Á ở khía cạnh kinh tế. Thông qua hiệp định này nội các Kishi và chính quyền Ngô Đình Diệm công khai gây cản trở việc thi hành hiệp định Genève về mặt chính trị - quân sự, nhằm mục đích thi hành chính sách biến miền Nam Việt Nam thành căn cứ chiến tranh của Mỹ” (25).

Ngày 26-11-1959, một ngày trước phiên họp của Hạ viện để bỏ phiếu thông qua hiệp định bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa, Đảng Xã hội đã thảo luận và trình Hạ viện “Dự thảo nghị quyết về việc trì hoãn phê chuẩn Hiệp định bồi thường cho miền Nam Việt Nam”, trong đó nêu rõ tình hình Việt Nam đang phân liệt hai miền Nam - Bắc và sẽ thống nhất theo Hiệp định Genève 1954 cũng như chính phủ Nhật Bản đã tham dự Hội nghị Bandung tháng 4-1955 với tinh thần ủng hộ nước Việt Nam thống nhất; qua đó Đảng Xã hội đề đạt

nguyện vọng đề nghị quốc hội quan tâm đến tình hình Việt Nam và hoãn lại việc phê chuẩn hiệp định bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa, chờ đến khi Việt Nam thống nhất (26).

Bất chấp phản đối của chính phủ Hà Nội và truy cứu gắt gao của Đảng Xã hội, Hạ viện Nhật Bản đã phê chuẩn hiệp định bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa vào ngày 27-11-1959. Tiếp sau đó, Đảng Xã hội vẫn không ngừng chất vấn tại Thượng viện và văn bản đưa kiến nghị gồm 6 mục đã bị bác bỏ trong phiên họp toàn thể sáng ngày 23-12-1959. Cũng trong phiên họp này, hiệp định bồi thường cho miền Nam Việt Nam đã được Thượng viện thông qua (27). Ngay tức khắc, phía Hà Nội đã có phản ứng. Trong báo cáo ngày 23-12-1959 tại Hội nghị quốc dân lần thứ 11, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố “phản đối mạnh mẽ hành động của chính phủ Kishi ký hiệp định bồi thường với chính quyền miền Nam Việt Nam và coi hiệp định này vô hiệu lực, nhân dân Việt Nam sẽ tiếp tục đấu tranh chống lại hiệp định này” (28).

Bất bình trước hành động đơn phương hủy bỏ việc thẩm tra cũng như động thái thúc ép thông qua của chính phủ trong phiên họp buổi sáng ở Thượng viện, chiều ngày 23-12-1959, Đảng Xã hội Nhật Bản ra tuyên bố khẳng định “đã truy cứu triệt để tính không thỏa đáng và mâu thuẫn của hiệp định bồi thường cho miền Nam Việt Nam và làm rõ những nghi hoặc xoay quanh hiệp định này trước quốc dân”. Tuyên bố của Đảng Xã hội phản đối chính phủ Kishi xoay quanh ba nội dung đồng nhất với lập trường của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cụ thể là:

Thứ nhất, tuyên bố phủ định tính chính danh của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, nhấn mạnh: “chủ trương của nội các Kishi

coi chính quyền Ngô Đình Diệm là đại diện chính đáng cho toàn Việt Nam đi ngược lại với luật pháp quốc tế và tình hình thực tế của Việt Nam” và “chính quyền Việt Nam Cộng hòa chỉ là chính quyền quản lý hành chính tạm thời phía Nam vĩ tuyến 17 cho đến khi tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam - Bắc”.

Thứ hai, chỉ ra những điểm bất hợp lý của hiệp định này về đối tượng bồi thường và cảnh báo hệ quả xấu do hiệp định mang lại. “So với miền Nam thì thiệt hại chiến tranh của miền Bắc lớn hơn nhiều. Thiệt hại của miền Nam Việt Nam chỉ là vụn vặt như cách nói thông thường là chỉ bằng “ba con gà”, ngay cả chính phủ cũng đã thừa nhận điều này và hiệu quả bồi thường không thể đến được miền Bắc Việt Nam”, “quan ngại sâu sắc việc thực thi bồi thường sẽ gây trở ngại tới quan hệ hữu nghị với các nước Á - Phi” và nêu lên nghi ngờ về động cơ thật sự của chính phủ Kishi khi gấp gáp thúc đẩy bồi thường cho chính quyền Sài Gòn ngay cả khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lên tiếng bày tỏ suy xét mang tính chính trị đối với việc yêu cầu Nhật Bản bồi thường để đổi lấy hòa bình thống nhất cho hai miền Nam - Bắc Việt Nam và cho mối quan hệ hữu nghị Nhật Bản - Việt Nam.

Thứ ba, ủng hộ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với lập luận rằng “việc bồi thường phục vụ trực tiếp và gián tiếp việc tăng cường căn cứ quân sự chống cộng, coi chính phủ và nhân dân miền Bắc Việt Nam là kẻ địch”, lên án gay gắt chủ trương của chính phủ Kishi cho rằng bồi thường sẽ có hiệu quả cho cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam “chỉ là một sự lừa dối không có căn cứ”, khẳng định nhân dân Nhật Bản “có cách nhìn ngược lại với chính phủ”. Đồng thời, Đảng Xã hội lên án hiệp định bồi thường mang yếu tố quân sự, tố cáo “chính phủ Kishi dưới danh nghĩa bồi thường đã đồng

lỏa hỗ trợ quân sự hóa căn cứ miền Nam Việt Nam như là mối liên kết tăng cường căn cứ của khối SEATO - chiến lược chống cộng của Mỹ ở châu Á”, sau đó kết luận “việc bồi thường này có cùng bản chất với việc sửa đổi Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ” nên Đảng Xã hội “sẽ không rời mắt đối với việc bồi thường không thỏa đáng và nguy hiểm này” (29).

3. Kết luận

Điểm khởi phát cho quan hệ giữa Nhật Bản và miền Nam Việt Nam là Hội nghị San Francisco năm 1951. Do có đoàn ngoại giao của Quốc gia Việt Nam tham dự và ký kết hiệp ước hòa bình với Nhật Bản nên chính phủ Nhật Bản đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường chiến tranh cho Quốc gia Việt Nam theo nội dung Điều 14, Hiệp ước này, đồng thời bồi thường chiến tranh cũng là biện pháp để Nhật Bản thực thi chính sách “ngoại giao kinh tế” ở khu vực châu Á. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa ra đời tại miền Nam Việt Nam nên thừa hưởng những thành quả trong quan hệ với Nhật Bản, kể cả việc yêu cầu Nhật Bản bồi thường. Từ năm 1957, sau khi nội các Kishi Nobusuke lên nắm quyền, Nhật Bản đã xúc tiến bồi thường chiến tranh cho Việt Nam Cộng hòa.

Trái ngược với chính phủ Nhật Bản, các đảng đối lập như Đảng Cộng sản và nhất là Đảng Xã hội Nhật Bản, đã lên tiếng phản đối gay gắt chủ trương bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa của nội các Kishi. Hoạt động phản đối của Đảng Xã hội kéo dài trong suốt quá trình Tokyo và Sài Gòn đàm phán hiệp định, đến khi hiệp định được ký kết và chờ Quốc hội Nhật Bản phê chuẩn. Lập trường đấu tranh xoay quanh các nội dung được các đảng cho là chưa thỏa đáng như: Việt Nam Cộng hòa không đủ tư cách chính danh để đại diện Việt Nam ký kết hiệp định với Nhật Bản, đối tượng và phạm vi khu vực bồi thường không hợp lý, lo ngại

việc bồi thường có cùng mục đích tiếp sức cho Mỹ can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam, đi ngược lại tinh thần Hiệp định Genève 1954 và Hội nghị Bandung 1955, gây căng thẳng cho khu vực...

Lập trường phản đối chính phủ bồi thường chiến tranh cho Việt Nam Cộng hòa của các đảng cánh tả ở Nhật Bản mang nhiều ý nghĩa. *Thứ nhất*, hoạt động này có điểm tương đồng và cộng hưởng với phong trào hòa bình Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai, khi phản đối các yếu tố có nguy cơ làm gia tăng căng thẳng khu vực, coi việc bồi thường cho chính quyền Sài Gòn là công cụ góp phần tăng cường sức mạnh can dự của Mỹ vào miền Nam Việt Nam, phản đối sự cố kết liên minh Nhật - Mỹ, coi việc bồi thường có cùng bản chất với việc sửa đổi, tái ký kết Hiệp ước an ninh Nhật - Mỹ. *Thứ hai*, trong bối cảnh Chính phủ và Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhiều lần lên tiếng phản đối từ Hà Nội thì hoạt động đấu tranh phản đối hiệp định này còn thể hiện sự ủng hộ của các chính đảng cánh tả Nhật Bản đối với Chính phủ Hồ Chí Minh, ủng hộ nước Việt

Nam thống nhất theo Hiệp định Genève 1954. *Thứ ba*, đặt trong bầu không khí căng thẳng của quốc tế và khu vực lúc bấy giờ, hoạt động chống chính phủ bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa của các chính đảng Nhật Bản phần nào phản ánh các dạng thức biểu hiện đa dạng và phức tạp của quan hệ quốc tế thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Còn xét trong mối quan hệ Nhật Bản - Việt Nam, đây là một biểu hiện hợp tác trong không khí đối lập; đó là ủng hộ của nhân dân Nhật Bản, các chính đảng cánh tả, với chính quyền và nhân dân miền Bắc Việt Nam khi Chính phủ Nhật Bản không thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh, trong tình thế đối lập giữa nhân dân với chính phủ Nhật Bản.

Có thể nói, việc phân tích và đánh giá hoạt động của các chính đảng Nhật Bản phản đối chính phủ Nhật Bản bồi thường cho Việt Nam Cộng hòa đã góp phần làm sáng tỏ các vấn đề trong mối quan hệ không chính thức giữa Nhật Bản và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trước năm 1973, đồng thời là một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu quan hệ Nhật - Việt thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

CHÚ THÍCH

(1). Vấn đề này chúng tôi có đề cập trong: Nguyễn Vũ Kỳ, “Quan hệ ngoại giao nhân dân Nhật Bản - Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (1954 - 1960) công bố trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (540), 2021.

(2). Xem Hosoya Chihiro, *Đường đến Hòa bình San Francisco*, Chuo Koronsha, 1984, tr. 244, 264 (細谷千博 (著) 1984、『サンフランシスコ講和への道』、中央公論社) ; Viện nghiên cứu hòa bình Kajima (Chủ biên), *Nhật Bản Ngoại Giao Sử - Hiệp ước hòa bình San Francisco*, (Quyển 27), Kajima Kenkyujo Shuppankai, 1971, tr. 125-126 (鹿島平和研究所 (編), 1971, 日本外交史

ーサンフランシスコ平和条約』、第27巻、鹿島研究所出版会)

(3). Bộ Ngoại giao, *Văn kiện Ngoại giao Nhật Bản - Hiệp ước San Francisco: Ký kết và có hiệu lực* 外務省、「日本外交文書 サンフランシスコ平和条約調印・発効」, <https://www.mofa.go.jp/mofaj/annai/honsho/shiryo/unsho/h20.html?text=%E4%BC%9A%E8%AD%B0%E5%8F%82%E5%8A%A0%E5%9B%BD%E3%81%AE%E3%81%86%E3%81%A1,%E3%81%AB%E3%82%82%E7%BD%B2%E5%90%8D%E3%81%97%E3%81%BE%E3%81%97%E3%81%9F%E3%80%82>

Liên Xô, Ba Lan và Tiệp Khắc có cử đại biểu tham gia nhưng từ chối ký Hiệp ước. Ấn Độ và Miến Điện được mời nhưng không tham dự, còn Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không được mời. Đài Loan muốn tham dự nhưng cũng không được mời do bị Liên Xô và Anh phản đối. Shiraishi Masaya (Nguyễn Xuân Liên dịch, Lưu Ngọc Trinh hiệu đính), *Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam (1951 - 1987)*, Nxb. Khoa học Xã hội, 1994, tr. 208.

(4). Viện nghiên cứu hòa bình Kajima (Chủ biên), *Văn kiện - Niên biểu ngoại giao chủ yếu của Nhật Bản*, Quyển 1 (1941 - 1960), Hara Shobo, 1983, tr. 420 (鹿島平和研究所(編)、1983、『日本外交主要文書・年表』、第1巻(1941~1960)、(明治百年史叢書)、原書房) .

(5). Shiraishi Masaya, 1994, Sdd, tr. 24.

(6). Từ ngày 25/6/1953, Nhật Bản và Quốc gia Việt Nam tiến hành thương lượng tại Tokyo về vấn đề trục vớt tàu đắm. Kết quả là ngày 16-9-1953, Bộ thương mại Công chánh Huỳnh Văn Diễm đã ký kết với phía Nhật Bản Hiệp định bồi thường tạm thời về việc trục vớt tàu thuyền có giá trị 2,25 triệu USD.

Bộ Ngoại giao, *Tình hình ngoại giao nước ta gần đây (Sách Xanh Ngoại giao)*, Tập 1, năm Showa 32,

1957 (外務省、1957、『わが外交の近況』(外交青書)、第1号(昭和32年版)、
<https://www.mofa.go.jp/mofaj/gaiko/bluebook/1957/s32-2-1-1.htm3>.

(7). Bộ Ngoại giao, 1957, tldd, tr.
<https://www.mofa.go.jp/mofaj/gaiko/bluebook/1957/s32-1-2.htm4>.

(8). Hạ nghị viện (1957). *Biên bản phiên họp toàn thể*. Hạ nghị viện Quốc hội khóa 26, số 4, ngày 4-2-1957 (Showa 32) (衆議院、1957、第26回国会衆議院会議録情報本会議第4号昭和32年2月4日) Viện nghiên cứu hòa bình Kajima (Chủ biên), 1983, Sdd, tr. 789.

(9). Xem thêm Tanaka Takeo, “Nhận thức của chính quyền Sài Gòn đối với vấn đề bồi thường chiến tranh của Nhật Bản (1955 - 1959)”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế - Việt Nam - Nhật Bản - mối quan hệ trong xu thế hội nhập mới*, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG-HCM, 2007; Tanaka Takeo, “Xem xét lại các cuộc đàm phán bồi thường chiến tranh cho miền Nam Việt Nam - Làm sáng tỏ các văn kiện ngoại giao về “Quan hệ bồi thường chiến tranh Việt Nam và Hiệp định cho vay”, *Việt Nam - Quốc gia và Dân tộc* (Asomura Kuniaki chủ biên), Quyển Thượng, Kokon Shoin, 2013, tr. 151-164 (田中健郎、2013、「南ベトナム戦後賠償交渉再考一『ベトナム賠償および借款協定関係』外交文書を紐解く」、「ベトナム一国家民族」(上巻、古今書院) .

(10). Viện nghiên cứu Á - Phi, “Tóm lược Tuyên bố của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định thỏa thuận bồi thường chiến tranh Nhật Bản và Nam Việt Nam đang tiến hành vô hiệu lực” (ngày 17-5-1958), *Tư liệu- Lịch sử giải phóng Việt Nam*, Quyển 2, Rodo Junposha, 1970, tr. 606 (アジア・アフリカ研究所、1970、「日本と南ベトナムが行っている戦争賠償交渉の無効を表明するベトナム民主共和国外務省スポークスマンの声明(要旨)」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社) ..

(11). *Asahi Shimbun Chokan*, ngày 18-5-1958.

(12). Bộ Ngoại giao, *Tình hình ngoại giao nước ta gần đây (Sách Xanh Ngoại giao) - Chuyến viếng thăm các nước Đông Nam Á lần thứ hai, Australia, New Zealand của Thủ tướng Kishi*, Tập đặc biệt số 4 (tháng 12 năm Showa 32), 1957, tr. 15-17 (外務省、1957、『岸総理の第二次東南アジア諸国、オーストラリア、ニュー・ジーランド訪問』(「わが外交の近況」特集四)(昭和三十二年十二月; Tanaka Takeo, 2013, sdd, tr. 155.

(13). *Asahi Shimbun Chokan*, ngày 8-2-1958 (朝日新聞 朝刊、1958年2月8日) .

(14). Hạ nghị viện, *Biên bản phiên họp Ủy ban Dự toán*, Hạ nghị viện Quốc hội khóa 28, số 14, ngày 28-2-1958 (Showa 33), tr. 29 (衆議院、1958、第28回国会衆議院会議録情報予算委員会第14号昭和33年2月28日) .

(15). *Asahi Shimbun Chokan*, ngày 1-3-1958.

(16). Viện nghiên cứu Á - Phi, “Chương 2: Tranh luận quốc hội về vấn đề bồi thường cho Việt Nam - Ủy ban Ngoại giao Hạ nghị viện (ngày 4-7-1958)”, 1970, sdd, tr. 579, 582-583 (アジア・アフリカ研究所、1970、「第二章 ベトナム賠償にかんする国会討論一九五八年七月四日衆議院外務委員会」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社).

(17). *Asahi Shimbun Yukan*, ngày 29-3-1959; *Asahi Shimbun Chokan*, ngày 11-5-1959; *Mainichi Shimbun*, ngày 11-5-1959.

(18) Viện nghiên cứu Á - Phi, “Văn bản kháng nghị của Đảng Cộng sản Nhật Bản (ngày 11-5-1959)”, 1970, sdd, tr. 596-598 (アジア・アフリカ研究所、1970、「抗議文 日本共産党」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社) .

(19). Viện nghiên cứu Á - Phi, “Văn bản kháng nghị của Đảng Cộng sản Nhật Bản (ngày 11-5-1959)”, 1970, sdd, tr. 596-598.

(20). *Asahi Shimbun Chokan*, ngày 10-5-1959.

(21). Viện nghiên cứu Á - Phi, “Hiệp định bồi thường giữa Nhật Bản và Việt Nam Cộng hòa”, 1970, sdd, tr. 565 - 568 (アジア・アフリカ研究所、1970、「日本国とヴェトナム共和国との間の賠償協定」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社).

(22). *Asahi Shimbun Yukan*, ngày 15-5-1959; *Mainichi Shimbun*, ngày 28-5-1959.

(23). Hạ nghị viện (1959), *Biên bản phiên họp ủy ban Ngoại giao*, Hạ nghị viện Quốc hội khóa 33, số 7, ngày 13-11-1959 (Showa 34) (衆議院、1959、第33回国会衆議院会議録情報外務委員会第7号昭和34年11月13日).

(24). *Asahi Shimbun Yukan*, ngày 13-11-1959.

(25) Viện nghiên cứu Á - Phi, “Yêu cầu phủ quyết hiệp định bồi thường từ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi đến Quốc hội Nhật Bản”, 1970, sdd, tr. 606 - 607 (アジア・アフリカ研究所、1970、「ベトナム民主共和国国会より日本国会へ賠償協定の不決を要請」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社) .

(26). Ủy ban xuất bản kỷ niệm 40 năm Đảng Xã hội Nhật Bản, *Tư liệu □ Lịch sử 40 năm Đảng Xã hội Nhật Bản*, Nihon Shakaito Chuo Honbu, 1986, tr. 388 - 389 (日本社会党結党四十周年記念出版刊行委員会、1986、『資料 日本社会党四十年史』、日本社会党中央本部) .

(27). Thượng nghị viện (1959), *Biên bản phiên họp toàn thể*, Thượng nghị viện Quốc hội khóa 33, số 18, ngày 23-12-1959 (Showa 34) (参議院、1959、第33回国会参議院会議録情報本会議第18号昭和34年12月23日) .

(28). *Mainichi Shimbun*, ngày 24-12-1959.

(29). Viện nghiên cứu Á - Phi, “Tuyên bố của Đảng Xã hội Nhật Bản” (ngày 23-12-1959), 1970, sdd, tr. 594-595 (アジア・アフリカ研究所、1970、「声明 日本社会党」、「資料・ベトナム解放史」、第2巻、労働旬報社) .